

Nhận diện để phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam

1. Văn hóa Phật giáo Việt Nam là một thành tố trong chỉnh thể văn hóa dân tộc

1.1 Điều 1 Luật Di sản văn hóa đã ghi rõ “Di sản văn hóa quy định tại Luật này bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Từ định nghĩa trên, ta thấy nổi lên 3 khía cạnh cần được lưu ý sau đây:

Thứ nhất, di sản văn hóa phải là sản phẩm vật chất và tinh thần do lao động sáng tạo của con người làm ra để phân biệt với các yếu tố thiên nhiên thuần túy.

Thứ hai, không phải tất cả các sản phẩm vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra đều là di sản văn hóa mà chỉ những sản phẩm vật chất và tinh thần nào hàm chứa các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học mới đủ điều kiện để trở thành di sản văn hóa.

Thứ ba, để trở thành di sản văn hóa, các sản phẩm vật chất và tinh thần có giá trị đó, qua quá trình thẩm định, chọn lọc của thực tế, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Đối chiếu với những tiêu chí nói trên, chúng ta có quyền khẳng định, di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam đã có những đóng góp xứng đáng vào kho tàng di sản văn hóa phong phú và độc đáo của dân tộc.

1.2 Trong lịch sử Việt Nam, từ đầu Công nguyên đến hiện tại, Phật giáo đã có ảnh hưởng lâu dài và sâu rộng đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, văn hóa Phật giáo Việt Nam đã để lại cho dân tộc ta nhiều sản phẩm vật chất và tinh thần có giá trị đặc sắc.

Thứ nhất, du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, Phật giáo đã thích ứng khá nhuần nhuyễn với tín ngưỡng, phong tục, tập quán bản địa và nhờ đó, những tinh hoa của giáo lý Phật giáo đã tìm được môi trường thích hợp để nở hoa, kết trái. Sức mạnh của Phật giáo thể hiện ở khả năng hòa đồng, tính khoan dung và tinh thần dân chủ, bình đẳng, như cố Giáo sư Trần Đình Hượu đã có suy nghĩ đúng đắn về Phật giáo: “Ai chuyên tâm niệm Phật, nghĩ điều thiện, làm việc thiện thì được vãng sinh cực lạc. Nước Phật không chỉ dành riêng cho người xuất gia, càng không phải dành riêng cho kẻ giàu sang. Không phải quần chúng đến với Phật, mà Phật đến với quần chúng. Quần chúng hóa như vậy, nên Phật giáo có ảnh hưởng rộng rãi tới xã hội. Kết quả của việc đó là, người tu hành gắn với quần chúng nghèo khổ và ngôi chùa gần với làng xã”. Bằng chứng là hầu như tất cả các làng xã Việt Nam đều có sự hiện diện của mái chùa thờ Phật.

Thứ hai, khả năng “gắn bó với đời” và “đồng hành cùng dân tộc” tạo nhiều cơ hội để Phật giáo đóng góp thiết thực cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc. Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, ta thấy nổi lên nhiều vị danh tăng như Đại sư Khuông Việt, Quốc sư Vạn Hạnh, Điều Ngự Trần Nhân Tông qua “vai trò” chính trị ảnh hưởng rõ nét đến tiến trình phát triển lịch sử dân tộc. Ta còn thấy ở một số thời kỳ lịch sử, Phật giáo đã phát huy ảnh hưởng như một “nguồn động lực” thúc đẩy sự phát triển, thậm chí còn chi phối tới tư tưởng và học thuật, văn học và nghệ thuật của đất nước như dưới hai triều đại Lý và Trần chẳng hạn. Mỗi khi đất nước có giặc ngoại xâm, nhiều tu sĩ đã bỏ áo cà sa sẵn sàng nhập thế cầm vũ khí cùng dân tộc đánh giặc giữ nước. Trong hòa bình xây dựng đất nước, các vị tăng ni lại hướng dẫn phương pháp tu luyện, phổ biến, giảng dạy giáo lý nhà Phật, giúp cho Phật tử tạo lập được nếp sống, lối sống chân, thiện, mỹ, đặc biệt là giúp cho Phật tử biết cách nhìn nhận và giải quyết đúng đắn những vấn đề cốt lõi trong đời sống của con người về “sinh, lão, bệnh, tử”, chỉ dẫn cho họ phương cách làm sao để có thêm ý nghĩa của hạnh phúc, an vui về mặt tinh thần bên cạnh các giá trị vật chất như tiền tài, của cải, nhà đất... Nhờ thế, Phật giáo Việt Nam đã cắm rễ sâu và luôn có chỗ đứng quan trọng trong đời sống xã hội Việt Nam.

Thứ ba, bàn về di sản văn hóa phi vật thể của Phật giáo trước hết phải đề cập giá trị văn hóa, đạo đức. Đạo đức Phật giáo thể hiện ở mục tiêu muốn đưa lại hạnh phúc và an lạc cho nhân sinh. Nguyên tắc đạo đức mà đức Phật dạy cho chúng sinh là phải tự lực phấn đấu, đề cao lòng từ bi, vô ngã - vị tha, làm điều thiện, ngừa điều ác. Bản chất của đạo đức thể hiện qua hành vi gương mẫu của Phật tử. Phật giáo luôn khuyến khích chúng sinh “tự độ độ tha, tự giác giác tha”, không phân biệt giữa ngã nhân (ta) và tha nhân (người khác). Tư tưởng bác ái, cứu nhân độ thế, vị tha từ Phật giáo đã có tác dụng bồi đắp, làm phong phú thêm đạo lý trong tâm hồn người Việt Nam, là lòng

nhân ái “thương người như thể thương thân”. Đó cũng là những mong muốn tốt đẹp mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn nhủ trong Thư gửi Đại hội lần thứ III Hội Phật giáo Việt Nam ngày 28/9/1964: “Tôi mong rằng đồng bào Phật giáo hãy thực hiện lời Phật dạy “lợi lạc quần sanh, vô ngã, vị tha, là tất cả vì lợi ích mọi người, không cá nhân chủ nghĩa”

Tứ đại vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả của Phật giáo là liều thuốc làm trong sáng hơn đời sống tinh thần, trong đó có đời sống tâm linh của Phật tử Việt Nam, trước áp lực của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, của đô thị hóa dồn dập và của cạnh tranh khốc liệt vì lợi nhuận. Và, chắc chắn là, với tư tưởng khoan dung, hòa bình, khuyến thiện, ngừa ác, Phật giáo sẽ góp phần thức tỉnh lương tri con người, làm cho con người được sống trong hòa bình, nhân ái, chủ động phòng ngừa cái ác và hiểm họa chiến tranh hủy diệt bằng vũ khí hạt nhân, cũng như khủng bố quốc tế và xung đột tôn giáo. ý tưởng hòa bình trên thế giới chỉ được thực hiện khi các quốc gia ý thức được chân lý, (như giá trị của văn hóa đạo Phật) mà một cơ sở là lòng khoan dung và thái độ cảm thông, sẵn sàng gạt bỏ ham muốn quyền lực và tham vọng kiểm soát các quốc gia khác. Trong phạm vi từng quốc gia, khát vọng sống yên bình trên một đất nước thanh bình chỉ được hiện thực hóa khi đời sống được xây dựng trên nền tảng đạo đức, để mỗi thành viên trở thành nhân tố tích cực cho xã hội. Nói một cách khác, văn hóa đạo đức Phật giáo có khả năng điều chỉnh hành vi đạo đức của con người, cũng tức là đóng góp vào việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để phục vụ cho sự phát triển đất nước, mà hiện nay là phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước không ngừng phát triển và hội nhập quốc tế.

Thứ tư, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của Phật giáo còn được kết tinh trong không gian văn hóa truyền thống của ngôi chùa - một thiết chế văn hóa đặc thù. Trong danh mục xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa quốc gia, chùa cũng chiếm một tỷ lệ khá cao (465 trên tổng số 3058 di tích quốc gia của Việt Nam). Nhiều ngôi chùa được xây dựng trong một khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ đầy biểu cảm, tạo nên những danh lam thắng cảnh nổi tiếng cả nước. Ở những nơi đó, ta có được một phức hợp kiến trúc nghệ thuật gắn bó hữu cơ và tác động tương hỗ với cảnh quan thiên nhiên thơ mộng, gợi cảm, như: các khu thắng cảnh Yên Tử (Quảng Ninh), Hương Sơn (Hà Tây), Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng), núi Bà Đen (Tây Ninh), núi Sam (An Giang)...

Trong nhiều ngôi chùa, đã hình thành những không gian văn hóa truyền thống điển hình - nơi diễn ra những sinh hoạt văn hóa Phật giáo, các nghi thức tôn giáo như: Lễ Vu Lan, Đại lễ Phật Đản, Đản Tràng giải Oan, chạy đàn cầu mưa, tụng kinh niệm Phật hàng ngày.... Như chúng ta đã biết, lễ hội văn hóa truyền thống được coi là một thành tố văn hóa mang giá trị văn hóa phi vật thể tiêu biểu. Lễ hội văn hóa Phật giáo cũng là một thành tố văn hóa như vậy. Lễ hội Phật giáo còn là nơi tích hợp các mặt giá trị văn hóa phi vật thể rất phong phú và đa dạng. Ngoài phần nghi lễ Phật giáo, trong lễ hội ta thấy nhiều hình thức văn hóa nghệ thuật độc đáo khác như: trình diễn các hình thức nghệ thuật dân gian, đặc biệt là nghệ thuật Chèo gắn với các tích Phật, tích truyện giàu tính nhân văn, khuyến thiện - trừng ác, múa Phật giáo (Lục cúng hoa đăng), âm nhạc Phật giáo, các phẩm phục... Lễ hội Phật giáo cũng đóng vai trò là nơi giao lưu, cộng cảm và liên kết tinh thần trong các cộng đồng Phật tử ở từng đạo tràng nói riêng, cộng đồng cư dân ở các làng xã, vùng miền nói chung.

Xét từ góc độ âm nhạc dân gian thì âm nhạc Phật giáo cũng là thành tựu rất đáng trân trọng. Đó là những phức điệu và âm thanh trung thực được sáng tạo ra không chỉ để ca ngợi đức Phật, cổ súy lòng sùng tín của Phật tử, mà còn diễn tả niềm vui, sự hừng khởi và nỗi buồn của cả một cộng đồng rộng lớn. Đó thực sự là những hợp tấu âm thanh rung động trầm lắng nhưng lại mang sức mạnh màu nhiệm tác động tới cả “cõi giới xa xăm”. Tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng tụng kinh, ánh sáng huyền ảo của nến, của khói hương không chỉ là phương tiện chuyển tải lời cầu nguyện của chúng sinh tới đức Phật, mà còn có tác dụng thức tỉnh những năng lực vốn tiềm ẩn trong các Phật tử, đánh thức tâm thiện, nhắc nhở và kêu gọi Phật tính trong con người.

Nhìn từ góc độ mỹ thuật Phật giáo, ta lại thấy nhiều ngôi chùa xứng đáng được tôn vinh với tư cách là những bảo tàng nghệ thuật. Có thể liệt kê ra đây hàng trăm ngôi chùa như thế trải dài trên khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam: chùa Mía, chùa Tây Phương (Hà Tây), chùa Bút Tháp (Bắc Ninh), chùa Phổ Minh (Nam Định), chùa Thiên Mục (Thừa Thiên - Huế), chùa Giác Lâm (TP Hồ Chí Minh), chùa Tam Tạng (Sóc Trăng)... Trong mỗi ngôi chùa này đều có một Phật điện với nhiều pho tượng Phật, Bồ Tát mà mỗi pho lại là một tác phẩm điêu khắc khá hoàn chỉnh, được sắp xếp theo một trật tự nhằm chuyển tải vấn đề lịch sử tư tưởng Phật giáo. Theo đó, đứng trước Phật điện, mọi tín đồ, đều cùng một lúc có thể vừa chiêm bái, vừa được tiếp nhận nhiều tri thức về đạo Phật. Không gian văn hóa của chùa Phật khá chuẩn mực, mang tính hệ thống và tổng hợp, gắn bó hữu cơ giữa kiến trúc, điêu khắc, hội họa và cảnh trí thiên nhiên. Không gian tạo hình trong chùa Phật không chấp nhận những công thức thị giác thông thường, nó mở rộng ra mọi hướng để còn bao chứa và tạo lập một không gian xã hội - nhân văn, đặc biệt, nó chứa đựng hàm lượng

thông tin phong phú, mang tính khái quát, hình tượng cô đọng. Trong mỹ thuật Phật giáo Việt Nam, tính tượng trưng là một biểu hiện thẩm mỹ cơ bản, vì ở đây, nghệ thuật là một phương tiện để góp phần chuyển tải Phật pháp. Mỹ thuật Phật giáo không có hướng duy thực mà chỉ cố gắng diễn tả cái biểu hiện bằng sự “vắng mặt”, thể hiện cái có ở ngay trong cái không, đó là lối suy nghĩ tượng trưng. Là một phương tiện chuyển tải Phật pháp, nhưng mỹ thuật Phật giáo đã vượt ra khỏi khuôn khổ tôn giáo, và, với những sáng tạo đó, nó mang lại cho con người cảm giác hạnh phúc đầy nhân tính, thánh thiện. Nhờ kết hợp giữa lý trí và tình cảm, giữa trí tuệ và cảm xúc, nhờ những hình tượng nghệ thuật vừa khái quát mang tính biểu trưng mà không gian văn hóa trong chùa Phật thường xuyên có tác dụng giáo dục, hun đúc nhận thức và tình cảm của chúng sinh.

2. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo là góp phần tôn vinh văn hóa dân tộc

2.1. Qua những phân tích ở trên, ta thấy Phật giáo Việt Nam đã để lại dấu ấn khá đậm trong “văn minh vật chất và văn minh tinh thần” của dân tộc. Ta cũng tìm thấy trong Phật giáo sự dung hội giữa tâm hồn Việt với những giáo lý căn bản của nhà Phật. Sự hòa đồng của Phật giáo vào trong lòng dân tộc sâu đậm tới mức, với tâm hồn người Việt, Phật giáo không chỉ là tôn giáo mà còn được coi là lối sống đạo đức. Trong nhận thức của chúng ta, đức Phật xuất hiện như một con người chứ không phải Thượng đế hay Thần linh, đạo Phật khẳng định khả năng của con người dựa trên nghị lực của bản thân để đạt tới chân lý cứu cánh.

Bản chất của chánh pháp trong đạo Phật rất cao siêu mà vẫn gần gũi, phù hợp với nền tảng đạo đức, văn hóa và khoa học nên có khả năng thích nghi, đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhiều loại chúng sinh từ bình dân đến trí thức. Với chủ trương khuyến khích hòa bình và phi chính trị, Phật giáo có khả năng mở rộng ảnh hưởng văn hóa và tâm linh đến các châu lục trên thế giới.

Trong tâm thức Việt Nam, hiện tượng thờ đa thần chiếm vị trí chủ đạo. Ngoài đạo Phật và Thiên chúa giáo, một bộ phận người Việt Nam còn tin theo đạo Lão, đạo Khổng, đạo Mẫu, đạo “thờ tổ tiên”, đạo Cao Đài, Hòa Hảo, đạo Tin lành v.v. Điều đó cũng nói lên tính đa dạng của văn hóa Việt Nam. Tồn tại cùng dân tộc trong bối cảnh đa tôn giáo như thế, bản thân Phật giáo cũng có tính chất đa dạng. Người Việt chấp nhận cả Bắc tông và Nam tông với nhiều Phật phái như Thiền tông, Mật tông, Tịnh độ tông v.v. Tuy vậy, trong thực tế đời sống xã hội, ta không hề thấy sự “cạnh tranh và xung đột” giữa các thiền phái khác nhau cũng như với các tôn giáo khác. Phải chăng đó là tinh thần “lục hòa” trong giáo lý đạo Phật mà theo đó thì mọi người phải sống hòa thuận, cùng nhau thống nhất việc làm, cùng nhau thụ dụng kết quả, không ai được chiếm làm của riêng. Thái độ dung hòa của Phật giáo, nếu được phát huy sẽ có tác dụng thiết thực góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, tạo nền tảng cho tất cả các tôn giáo được đồng thuận trong lòng dân tộc; để các tôn giáo đồng hành cùng dân tộc tiến lên Chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là điều kiện tối quan trọng cho tự do tôn giáo tín ngưỡng. Ngay từ khi Cách mạng tháng Tám mới thành công, Bác Hồ đã khẳng định dứt khoát “trong một nước dân chủ thì mọi người đều có tự do, tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng”. Đây là cơ sở để Phật giáo Việt Nam lựa chọn phương châm hoạt động “Đạo pháp, Dân tộc và Xã hội chủ nghĩa”.

Do nhận thức rõ yếu tố tích cực của các tôn giáo nên Đảng và Nhà nước đã có quan điểm, chính sách rõ ràng về tôn giáo. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7, Ban chấp hành trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo đã khẳng định: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đoàn kết các dân tộc”. Nghị quyết của Đảng còn nói rõ: “Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”. Điều đó còn có nghĩa: Phật giáo cũng là nhu cầu tinh thần của chúng sinh, Phật giáo đã, đang và sẽ tiếp tục đồng hành cùng dân tộc, văn hóa đạo đức Phật giáo hàm chứa những giá trị văn hóa phi vật thể tiêu biểu cần được bảo vệ và phát huy trong đời sống xã hội.

Trong lời mở đầu của Luật Di sản văn hóa, Nhà nước đã trịnh trọng tuyên bố: “Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc ta”. Khoản 1, Điều 9 Luật Di sản văn hóa một lần nữa khẳng định: “Nhà nước có chính sách bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nhằm nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; khuyến khích tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đóng góp, tài trợ cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa”. Nội dung Luật Di sản văn hóa chỉ rõ, Nhà nước có chính sách và kế hoạch đầu tư cho các dự án bảo tồn di sản văn hóa dân tộc nhưng cũng kêu gọi và khuyến khích sự tham gia đóng góp trí tuệ, công sức, tiền bạc từ nhiều nguồn lực xã hội, trong đó tất yếu phải có sự tham gia của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tăng ni, Phật tử trong cả nước và nước ngoài vào việc bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam.

Chúng ta đã nắm trong tay quan điểm, chính sách và cơ sở luật pháp theo đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, chúng ta đang được kế thừa và là chủ sở hữu thực sự một kho tàng di sản văn hóa Phật giáo đa dạng và phong phú, thì đồng thời chúng ta cũng phải lãnh trách nhiệm nặng nề là bảo vệ và phát huy hữu hiệu di sản văn hóa Phật giáo phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

Muốn bảo tồn lâu dài và phát huy các mặt giá trị di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam, trước hết phải quan tâm bảo tồn không gian văn hóa - nơi thường xuyên diễn ra những sinh hoạt Phật giáo, là những ngôi chùa thờ Phật ở các làng quê Việt Nam. Trong chừng mực nào đó có thể nói mái chùa là nơi “trú ngụ” của cả Phật, Pháp, Tăng (dù đức Phật và Bồ Tát chỉ tồn tại dưới dạng biểu tượng nghệ thuật là các pho tượng ngự trên Tam bảo). Không có chùa, Tăng ni sẽ đành lẽ ở đâu? Phật tử sẽ tu tập nghe hướng dẫn Phật pháp ở đâu?

Trong quá khứ, do điều kiện khí hậu khắc nghiệt, chiến tranh kéo dài nhiều năm, kinh tế đất nước còn nghèo và cả do nhận thức sai lầm về giá trị di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam mà chúng ta chưa quan tâm đúng mức tới việc tu tạo chùa Phật. Và tình trạng chung là vườn chùa biến thành đất tăng gia sản xuất lương thực, ngôi chùa và tượng Phật bị xuống cấp, một số đơn nguyên kiến trúc trong chùa bị dân lấn chiếm làm nhà ở. Thậm chí có nhiều trường hợp do các vị trụ trì và Phật tử không để tâm coi sóc cẩn thận nên đã bị kẻ gian lầy cắp cổ vật và các pho tượng Phật có giá trị nghệ thuật đặc sắc. Nhưng hiện nay, những hiện tượng đó đã từng bước được khắc phục, đặc biệt từ khi có đường lối đổi mới của Đảng và Chương trình mục tiêu quốc gia về Văn hóa - Thông tin của Chính phủ, trong đó có một mục tiêu ưu tiên là “tu bổ tôn tạo các di tích kiến trúc nghệ thuật có giá trị tiêu biểu” đang bị xuống cấp nghiêm trọng, nhiều ngôi chùa có giá trị của đất nước đã được tu bổ, tôn tạo theo nguyên tắc khoa học bảo tồn, dần dần trả lại được cảnh quan thiên nhiên với kiến trúc phong quang đẹp đẽ. Kết quả đó không chỉ thuận tiện hơn cho các sinh hoạt thường niên, thường nhật của những người có liên quan mà còn trở thành những địa chỉ văn hóa, điểm du lịch hấp dẫn cho khách tham quan trong nước và quốc tế.

Ở đây cũng cần nói rõ những ai có trách nhiệm chính trong việc bảo vệ chùa Phật với tư cách là di sản văn hóa. Điều 10 Luật Di sản văn hóa quy định: “Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị Vũ trang nhân dân và cá nhân có trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa”. Điều đó có nghĩa là toàn dân đều có nghĩa vụ phải tham gia bảo vệ di sản văn hóa, tùy thuộc vào cương vị công tác, năng lực và quyền hạn của cá nhân. Song, đối với di sản văn hóa Phật giáo thì nhiệm vụ bảo vệ chính trước hết thuộc về các vị sư trụ trì và cộng đồng Phật tử từng ngôi chùa cụ thể cũng như người dân và cơ quan nhà nước, chính quyền cấp cơ sở - nơi có ngôi chùa tọa lạc. Trong thực tế còn có sự nhầm lẫn về chủ sở hữu thực sự của các ngôi chùa Phật nên rất cần được làm rõ. Chùa Phật là sở hữu chung của toàn dân, sau nữa là của cộng đồng cư dân địa phương. Nhà sư trụ trì là người được cộng đồng trao cho coi sóc ngôi chùa mà không phải là chủ sở hữu. Để có nơi thực hành Phật sự thì nhà sư phải bảo vệ ngôi chùa, vận động Phật tử công đức để tu bổ, tôn tạo theo pháp luật hiện hành, nhằm giữ cho ngôi chùa mãi mãi khang trang, tôn quý để chuyển cho các thế hệ tiếp theo. Mặt khác, Giáo hội Phật giáo cần ủng hộ chủ trương xây dựng những ngôi chùa mới ở các vùng biên giới, hải đảo xa xôi để mở rộng các “cột mốc văn hóa” trong lòng cộng đồng, làm cho Phật pháp đến với rộng khắp công chúng toàn xã hội.

Hiện đang tồn tại hai hiện tượng trái ngược nhau trong thái độ ứng xử với ngôi chùa thờ Phật. ở một số địa phương, tăng ni, Phật tử không chủ động tham gia bảo vệ và phát huy di sản văn hóa Phật giáo mà còn ỷ lại, trông chờ ngân sách của Nhà nước. Ngược lại, ở những nơi vận động được công đức do Phật tử đóng góp, lại tự ý sửa chữa chùa không theo sự hướng dẫn chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa dẫn đến hiện tượng làm sai lệch, biến dạng yếu tố nguyên gốc - giá trị cơ bản của ngôi chùa. Đó là một thiếu sót cần được khắc phục ngay một cách nghiêm túc.

2.2. Muốn bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo rất cần có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực bảo tồn di sản mà trước hết là cho tăng ni, Phật tử. Những người thực hành Phật đạo chẳng những cần nắm vững giáo lý đạo Phật, biết cách hướng dẫn tu tập cho Phật tử mà còn phải được đào tạo đủ năng lực làm lành mạnh hóa các sinh hoạt Phật giáo. Du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã giao thoa và dung hòa với các tập tục địa phương, với các thần linh bản địa có trước, làm cho Phật giáo Việt Nam mang nhiều sắc thái, có cái đúng, có cái sai, có mặt tích cực và cả mặt tiêu cực. Cho nên cần phải phân biệt đúng sai, rồi lựa chọn để bảo vệ những giá trị văn hóa Phật giáo đích thực và các yếu tố tích cực đã tồn tại.

Phật tử làm công đức, cúng dường Tam bảo là hỗ trợ cho tăng ni có điều kiện sinh sống để thi hành Phật sự, hoàng dương Phật pháp, hướng dẫn Phật tử tu tập theo đúng giáo lý của Phật, thực hành lối sống lành mạnh và

trong sạch, phần lớn còn lại dành cho việc tu tạo ngôi chùa, góp phần bảo vệ di sản văn hóa Phật giáo. Cho nên, tăng ni có trách nhiệm sử dụng số tiền công đức do Phật tử đóng góp đúng mục tiêu đặt ra. Mặt khác, nhiều Phật tử đến chùa Phật nhưng vẫn chưa hiểu đúng, hiểu chính xác bản chất của Phật pháp, nên họ rất cần được hướng dẫn chu đáo, tận tình. Tăng ni phải là tấm gương đạo đức về sự tu tập nghiêm túc cho Phật tử noi theo. Từ chỗ tin theo sự hướng dẫn đúng đắn của tăng ni, Phật tử sẽ gắn bó với ngôi chùa, một lòng hướng theo Phật pháp, thương yêu, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tu tập cũng như trong đời sống. Vì thế, Giáo hội Phật giáo Việt Nam nên đưa nội dung tuyên truyền về giá trị di sản văn hóa nói chung, di sản văn hóa Phật giáo nói riêng và phổ biến nội dung của Luật Di sản văn hóa vào chương trình đào tạo các khóa hạ và trong các Học viện Phật giáo.

Sinh thời, đức Phật đã từng dạy rằng: “phụng sự chúng sinh tức là cúng dàng chư Phật”. Thực hiện lời dạy của đức Phật, tăng ni, Phật tử cần chủ động, tự giác thực hiện chức năng xã hội của Phật giáo, mà trước hết là góp phần giải quyết những vấn nạn đang đặt ra cho loài người ở các cấp độ cá nhân, gia đình, xã hội và toàn nhân loại. Đó là tính ích kỷ cá nhân, bạo lực gia đình, lối sống hưởng thụ vật chất, đạo đức xã hội bị xuống cấp, xung đột sắc tộc, tôn giáo, nguy cơ chiến tranh, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.v.v. Bằng việc tham gia giải quyết những vấn đề mà con người, từng quốc gia và cả cộng đồng quan tâm, đặc biệt là công tác từ thiện xã hội rộng lớn thì Phật giáo mới thực sự có chỗ đứng trong xã hội hiện đại, di sản văn hóa Phật giáo mới được phát huy phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Tóm lại, văn hóa Phật giáo Việt Nam là một thành tố trong chỉnh thể văn hóa dân tộc. Phật giáo có những đóng góp xứng đáng vào kho tàng di sản văn hóa dân tộc. Và do đó, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam cũng tức là góp phần tôn vinh văn hóa dân tộc.

Đặng Văn Bài

(Tạp chí Di sản văn hóa số 2 (23) - 2008)